

Số: 66 /GPMT-KCNĐN

Đồng Nai, ngày 17 tháng 5 năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các KCN Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 435/QĐ-KCNĐN ngày 10/11/2023 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai về thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường dự án của Công ty HHCN Chinh Long Việt Nam tại đường số 10, KCN Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ văn bản số 4718/KCNĐN-MT ngày 10/12/2023 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với Công ty HHCN Chinh Long Việt Nam;*

*Xét đề nghị của Công ty HHCN Chinh Long Việt Nam tại văn bản số 01/VBGT-CL ngày 02/02/2024 và số 03/VBGT-CL ngày 02/05/2024 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án của Công ty tại đường số 10, KCN Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty HHCN Chính Long Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bộ phận giảm xóc xe máy và gia công các linh kiện cơ khí công suất 1.000.000 sản phẩm/năm; sản xuất bộ phận xe hơi, xe máy, xe máy điện, xe đạp điện công suất 100.000 sản phẩm/năm (không có công đoạn xi mạ)” tại đường số 10, KCN Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của Chủ dự án:

1.1. Tên Chủ dự án: Công ty HHCN Chính Long Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường số 10, KCN Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3600450302, đăng ký lần đầu ngày 16/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/06/2017 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3234611394, chứng nhận lần đầu ngày 24/01/2000, chứng nhận thay đổi lần thứ tám ngày 22/12/2023 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.5. Mã số thuế: 3600450302.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bộ phận giảm xóc xe máy và gia công các linh kiện cơ khí; sản xuất bộ phận xe hơi, xe máy, xe máy điện, xe đạp điện.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án nhóm II (thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ), đồng thời thuộc dự án nhóm B (theo phân loại pháp luật về đầu tư công).

- Phạm vi: Diện tích khu đất của dự án: 7.110 m<sup>2</sup>.

- Công suất: Sản xuất bộ phận giảm xóc xe máy và gia công các linh kiện cơ khí công suất 1.000.000 sản phẩm/năm; sản xuất bộ phận xe hơi, xe máy, xe máy điện, xe đạp điện công suất 100.000 sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn xi mạ).

- Quy trình sản xuất:

+ Quy trình sản xuất bộ phận giảm xóc xe máy và gia công các linh kiện cơ khí: Nguyên liệu bằng kim loại → Cắt, uốn → Phay, tiện, khoan, mài, làm ren → Xử lý bề mặt kim loại chống rỉ sét → Sấy khô → Sơn, xi mạ (được thực hiện bên ngoài) → Kiểm tra, đóng gói, nhập kho → Thị trường tiêu thụ.

+ Quy trình sản xuất bộ phận xe hơi, xe máy, xe máy điện, xe đạp điện:  
*Bán thành phẩm từ công đoạn cơ khí trên* → *Lắp ráp (bản vít/ hàn/ bôi keo)* →  
*Khắc laser nếu yêu cầu* → *Kiểm tra (Test sản phẩm)* → *Đóng gói, nhập kho* →  
*Thị trường tiêu thụ.*

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án:

1. Chủ dự án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 17 tháng 5 năm 2024 đến ngày 17 tháng 5 năm 2034).

**Điều 4.** Giấy xác nhận Đăng ký đề án bảo vệ môi trường số 07/GXN-TNMT ngày 17/4/2009 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trảng Bom cấp cho dự án “Nhà máy sản xuất bộ phận giảm xóc xe máy và gia công các linh kiện cơ khí (không bao gồm công đoạn xi mạ), quy mô 180 tấn sản phẩm/năm” và Giấy xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ Môi trường đơn giản số 01/ĐA-UBND ngày 02/01/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom cấp cho dự án “Xưởng đúc các sản phẩm cơ khí bằng nhôm, công suất 900 tấn sản phẩm/năm” tại đường số 10, KCN Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực.

**Điều 5.** Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Trảng Bom;
- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (P).

**TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trí Phương**

## PHỤ LỤC 1

### YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 66 /GPMT-KCNĐN ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước thải nấu ăn sau khi qua bể tách dầu mỡ và nước thải sản xuất sau khi qua hệ thống xử lý công suất 24 m<sup>3</sup>/ngày đêm được thu gom đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Hồ Nai tại 01 hố ga trên đường số 10 của KCN để tiếp tục xử lý.

- Chủ dự án đã ký thoả thuận dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai (là đơn vị quản lý hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Hồ Nai) theo Hợp đồng số 38/2011/HĐXLNT ngày 12/09/2011.

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: Phải đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Hồ Nai theo hợp đồng, thỏa thuận giữa Chủ dự án và đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN Hồ Nai.

- Chủ dự án không được xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:

##### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

##### 1.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên khoảng 5,3 m<sup>3</sup>/ngày được xử lý sơ bộ qua 04 bể tự hoại 3 ngăn (mỗi bể thể tích 8,8 m<sup>3</sup>) và dẫn bằng hệ thống ống nhựa PVC đường kính 150 mm về đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Hồ Nai.

- Nước thải từ hoạt động nấu ăn khoảng 2,0 m<sup>3</sup>/ngày được đưa qua bể tách dầu mỡ thể tích 4 m<sup>3</sup> và dẫn bằng hệ thống ống nhựa PVC đường kính 150 mm về đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Hồ Nai.

- Nước thải sản xuất từ các bể xử lý của quá trình xử lý bề mặt khoảng 1,0 m<sup>3</sup>/lần/tháng được thu gom giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

- Nước thải sản xuất từ các bể rửa nước của quá trình xử lý bề mặt khoảng 1,8 m<sup>3</sup>/ngày theo đường ống nhựa PVC đường kính 60 mm về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 24 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Hồ Nai.

- Nước thải sản xuất từ nước đầu làm mát khoảng 0,9 m<sup>3</sup>/lần/tháng chứa vào phuy sắt đưa về bể gom chung kết hợp tách dầu của hệ thống xử lý nước thải,

công suất thiết kế 24 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Hồ Nai.

- Nước thải sản xuất từ hấp phụ màng nước công đoạn mài khoảng 0,25 m<sup>3</sup>/lần/tuần theo đường ống nhựa PVC đường kính 60 mm về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 24 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Hồ Nai.

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 24 m<sup>3</sup>/ngày đêm được dẫn bằng hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính 150 mm để đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Hồ Nai tại 01 hố ga trên đường số 10.

1.1.2. Vị trí đầu nối nước thải:

- Vị trí: 01 hố ga đầu nối nước thải trên đường số 10.

- Tọa độ vị trí: X = 1210924,59; Y = 411240,08.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>o</sup>45', múi chiều 3<sup>o</sup>).

1.1.3. Lưu lượng đầu nối nước thải lớn nhất: 24 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Phương thức đầu nối thải: Tự chảy (24/24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: Phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Hồ Nai theo thỏa thuận giữa Chủ dự án và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai theo Hợp đồng số 38/2011/HĐXLNT ngày 12/09/2011.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 24 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Nước thải sản xuất* → *Bể gom kết hợp tách dầu* → *Bồn keo tụ* → *Bồn tạo bông* → *Bồn lắng đọng* → *Bồn trung gian* → *Bồn lọc than hoạt tính* → *Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Hồ Nai.*

- Công suất thiết kế: 24 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm): PAC, Polymer, NaOH, than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nguy cấp, nhà máy sẽ ngưng hoạt động và liên hệ ngay với đơn vị hạ tầng KCN để thỏa thuận xử lý trong thời gian công ty khắc phục sớm nhất.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong thời gian 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 Hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 24 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 24 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

+ Thành phần ô nhiễm chính: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Amoni, Tổng N, Tổng P, dầu mỡ khoáng, Fe, Crom III.

+ Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Hồ Nai theo thỏa thuận giữa Chủ dự án và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai tại Hợp đồng số 38/2011/HĐXLNT ngày 12/09/2011.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của KCN Hồ Nai và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận với Chủ đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN (Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai), không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Hồ Nai để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 66 /GPMT-KCNĐN ngày 17 tháng 5  
năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường 2020 (do hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

**B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

1. Dự án đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B;  $K_v = 1,0$ ;  $K_p$  theo tổng lưu lượng các nguồn thải của dự án), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT. Thực hiện các biện pháp khống chế, giảm thiểu mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường.

2. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả khí thải chưa qua xử lý ra môi trường.



## PHỤ LỤC 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 66 /GPMT-KCNDN ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực máy cắt.
- Nguồn số 02: Khu vực máy khoan.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.**

- Nguồn số 01: Khu vực máy cắt (Tọa độ X = 1210942,71, Y = 411331,73).
- Nguồn số 02: Khu vực máy khoan (Tọa độ X = 1210918,41, Y = 411319,53).

*(Theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 107<sup>o</sup>45, múi chiều 3<sup>o</sup>)*

**3. Tiếng ồn:** Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương ( $L_{\text{aeq}}$ ) - dBA		
1	70	55	8	85	-	<i>Khu vực thông thường</i>

**4. Độ rung:** Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 66 /GPMT-KCNDN ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Số lượng (kg/năm)
1	Bùn thải kim loại (nghiền, mài) có chứa dầu	Bùn	07 03 09	NH	4.337
2	Phôi từ quá trình gia công tạo hình	Rắn	07 03 11	KS	6.311
3	Bùn thải kim loại có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý hóa – lý chứa dầu	Bùn	12 02 02	KS	2.717
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	8
5	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	17 01 06	NH	3.622
6	Dầu bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	3.595
7	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	KS	656
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	KS	2.595
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	KS	3.320
10	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	3.065

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Số lượng (kg/năm)
<b>Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)</b>					<b>30.226</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTTT	Ký hiệu phân loại	Số lượng (kg/năm)
1	Giấy văn phòng, thùng carton hỏng	Rắn	18 01 05	TT-R	622
2	Phế liệu kim loại	Rắn	-	TT	573.913
3	Pallet gỗ	Rắn	09 01 03	TT-R	20
4	Bao bì nilong	Rắn	18 01 06	TT-R	30
<b>Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)</b>					<b>574.585</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Nhóm thực phẩm	5,7
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	2,1
<b>Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)</b>		<b>7,8</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa, phuy sắt.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 25,5 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông. Khu vực chứa chất thải có trang bị bình chữa cháy, vật liệu hấp thụ (cát khô, xéng), chất thải lỏng được chứa trong các thiết bị kín đặt trong thùng để tránh rò rỉ, tràn đổ. Có mâm chống tràn và gờ thu gom chất thải lỏng trường hợp có tràn đổ.

## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thùng sắt 200 lít, bao nilon.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 9 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: mái che bằng tôn, nền bê tông.

## **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, dung tích chứa 20 lít đặt tại các khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và thùng sắt có nắp đậy thể tích 0,8m × 1m × 0,6m.

2.3.2. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Thùng sắt lớn có nắp đậy thể tích 0,8m × 1m × 0,6m đặt tại khu lưu giữ chất thải sinh hoạt tập trung trên đường nội bộ bên ngoài nhà xưởng, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG:**

### **1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

### **2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:**

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

### **3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

**PHỤ LỤC 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 66 /GPMT-KCNDN ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Không

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.
5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân

thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai, UBND huyện Trảng Bom, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới. /

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**



